

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Số: 69 /QĐ - ĐHTĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 13 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngành Luật, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

- Căn cứ Quyết định số 1489/2009/QĐ-TTg ngày 17/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Thành Đông;
 - Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học;
 - Căn cứ biên bản họp ngày 03/03/2019 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Luật, trình độ đại học;
 - Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-ĐHTĐ ngày 04/04/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Thành Đông về Đào tạo hệ đại học theo hệ thống tín chỉ;
- Theo đề nghị của Trưởng khoa Luật kinh tế và phòng Đào tạo - NCKH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra ngành Luật, trình độ đại học chính quy mã số 7380101 của trường Đại học Thành Đông (chương trình chi tiết và chuẩn đầu ra kèm theo);

Điều 2: Chương trình đào tạo ngành Luật, trình độ đại học chính quy của Trường Đại học Thành Đông bắt đầu thực hiện khi được Bộ GD-ĐT ra quyết định mở mã ngành;

Điều 3: Các Khoa, Phòng/ban, Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: P.HC-TH, P.ĐT-NCKH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS.LÊ VĂN HÙNG



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Theo Quyết định số 69/QĐ-DHTĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Thành Đông)

Ngành đào tạo: Luật học

Mã số ngành đào tạo: 7380101

Trình độ: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng tốt nghiệp:

Tiếng Việt: Luật học

Tiếng Anh: Law

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Luật tại Trường Đại học Thành Đông yêu cầu đạt được mục tiêu cụ thể sau:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; có sức khỏe tốt; có kỹ năng làm việc tốt; có kiến thức về pháp luật, thực tiễn hoạt động pháp lý ở Việt Nam và những kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước;

Có năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng tự học nâng cao trình độ, tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng kiến thức vào thực tiễn;

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có thể làm việc ở các cơ quan nhà nước, đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý, doanh nghiệp hay các tổ chức nghiên cứu, giảng dạy.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Có kiến thức chung, căn bản thuộc chuẩn trình độ đại học của một cử nhân: Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ phù hợp với ngành đào tạo đáp ứng việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn;

Có sự hiểu biết rộng rãi và vững về ngành Luật, có kiến thức nền tảng về luật, nội dung các lĩnh vực pháp luật chung như Hiến pháp, luật hành chính, hình sự,



dân sự, thương mại, hôn nhân và gia đình, lao động, đất đai và pháp luật về tổ tụng, đồng thời chuyên sâu hơn trong lĩnh vực kinh doanh thương mại như luật sở hữu trí tuệ, luật cạnh tranh, luật thuế, luật bảo hiểm, luật đầu tư, chứng khoán... để vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý trong công việc và cuộc sống.

1.2.2. Kỹ năng

Phát triển tư duy phản biện, khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng ứng dụng các kiến thức pháp luật trong công việc và trong đời sống;

Được trang bị những kỹ năng nghiên cứu, các kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến hoạt động pháp lý; nhận diện được các vấn đề nảy sinh và đưa ra các quyết định phù hợp trong suốt quá trình làm việc;

Được trang bị những kỹ năng mềm trong suốt quá trình học tập: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thương lượng – đàm phán, kỹ năng tư duy pháp lý...;

Có thể sử dụng tốt tiếng Anh phục vụ cho công việc;

Có thể sử dụng tốt các phần mềm vi tính văn phòng;

Được rèn luyện và trau dồi kỹ năng tự học phục vụ cho nhu cầu cập nhật kiến thức đáp ứng yêu cầu công tác và có thể học lên các bậc học cao hơn.

1.2.3. Thái độ

Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và thấm nhuần chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;

Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

Có thái độ tốt, ủng hộ và bảo vệ sự công bằng; cảm nhận và kiến tạo công lý; tôn trọng pháp luật trong đời sống và công việc hàng ngày;

Yêu nghề, thân thiện, cởi mở, thiện chí trong việc tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc;

Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và hợp tác;

Có ý thức tự học để thích ứng với sự phát triển của xã hội.

1.2.4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Luật nhằm hướng người học sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

Cơ quan nhà nước; các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội;

Các cơ quan của Quốc hội; Hội đồng nhân dân các cấp; Ủy ban nhân dân các cấp;

Các bộ, cơ quan ngang bộ, sở, phòng, ban chuyên môn tại các tỉnh/ thành phố, quận/ huyện;

Tòa án nhân dân các cấp: Thư ký, Thẩm phán (sau khi hội đủ các điều kiện);

Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Kiểm sát viên (sau khi hội đủ các điều kiện);

Cơ quan thi hành án các cấp: Chấp hành viên (sau khi hội đủ các điều kiện);
Công an nhân dân các cấp: Công an trong các lĩnh vực;
Các tổ chức tư vấn luật hoặc doanh nghiệp; Các trung tâm cung cấp các dịch vụ tư vấn luật (văn phòng Luật sư, công ty Luật, ...): Luật sư, Chuyên viên tư vấn pháp lý và tranh tụng;
Chuyên viên pháp lý, Luật sư công ty;
Các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục và đào tạo có liên quan: Người tốt nghiệp có thể làm nghiên cứu viên, giảng viên, giáo viên dạy luật tại: các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu; các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; các Trung tâm đào tạo nghề.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ, tin học

Sử dụng thành thạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.3. Chuẩn đầu ra

1.3.1. Kiến thức

1.3.1.1. Kiến thức chuyên môn

Đạt được kiến thức đại cương của trình độ đại học về lý luận Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học;

Có kiến thức về cơ sở ngành luật, kiến thức nền tảng về luật, nội dung các lĩnh vực pháp luật chung như Hiến pháp, luật hành chính, hình sự, dân sự, thương mại, hôn nhân và gia đình, lao động, đất đai,... và pháp luật về tố tụng.

1.3.1.2. Năng lực nghề nghiệp

Vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề pháp lý trong công việc và cuộc sống.

1.3.2. Kỹ năng

1.3.2.1. Kỹ năng cứng

Khả năng phản biện, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như khả năng ứng dụng các kiến thức pháp luật trong công việc và trong đời sống; kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến hoạt động pháp lý; nhận diện được các vấn đề nảy sinh và đưa ra các quyết định phù hợp trong quá trình làm việc.

1.3.2.2. Kỹ năng mềm

Sinh viên được trang bị các kỹ năng mềm trong suốt quá trình học tập: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, tranh tụng, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thương lượng – đàm phán, kỹ năng tư duy pháp lý;

Năng lực sử dụng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có chuẩn đầu ra đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

1.3.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và thấm nhuần chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;

Có thái độ tốt, ủng hộ và bảo vệ sự công bằng; cảm nhận và kiến tạo công lý; tôn trọng pháp luật trong đời sống và công việc hàng ngày; Có ý thức tự học để thích ứng với sự phát triển của xã hội;

Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và hợp tác;

Yêu nghề, thân thiện, cởi mở, thiện chí trong việc tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc.

Chương trình đáp ứng tiêu chuẩn 1, điều 5 của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Các tài liệu, chương trình chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo:

Chương trình đào tạo chi tiết được Trường Đại học Thành Đông tham khảo chương trình đào tạo chi tiết cử nhân Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh....

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 4 năm với 8 học kỳ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ

TT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn
1	Giáo dục đại cương Chưa tính khối lượng kiến thức Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất	28	24	04
2	Giáo dục chuyên nghiệp	98	86	12
	+ Kiến thức cơ sở khối ngành	16	16	0
	+ Kiến thức ngành	40	36	04
	+ Kiến thức chuyên ngành	27	23	04
	+ Kiến thức bổ trợ	04	0	04
	+ Thực tập tốt nghiệp	05	10	0
	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay	05	05	
	thế khóa luận tốt nghiệp			
Tổng cộng		125	109	16

Chưa tính 165 giờ Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; văn bản 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sinh viên có đủ những điều kiện sau xét công nhận tốt nghiệp:

Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật đến mức đình chỉ học tập.

Tích lũy một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông

Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục thể thao.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, đánh giá học phần, thi kết thúc học phần, xét tốt nghiệp theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến phần nguyên theo Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

6.2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng ký hiệu “R” viết kèm với kết quả.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Bắt buộc/tự chọn	Học kỳ	Tổng số tín chỉ	Chi tiết tín chỉ			Giảng viên
						LT	TH	Tự học	
I		Kiến thức giáo dục đại cương			28				
A		Khoa học lý luận chính trị			10				
1	LH01	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin 1	BB	I	3	45	0	45	Khoa các môn học chung
2	LH02	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lenin 2	BB	II	3	45	0	45	
3	LH03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	II	2	30	0	30	
4	LH04	Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	BB	III	2	30	0	30	
5	LH05	Giáo dục thể chất	BB	I	Chứng chỉ				
6	LH06	Giáo dục quốc phòng		I	Chứng chỉ				
B	Khoa học tự nhiên – xã hội & Kỹ năng sống				12				
7	LH07	Quản trị học	BB	I	2	30	0	30	Khoa Kinh tế
8	LH08	Tin học	BB	I	2	15	30	15	Khoa CNTT
9	KNM	Kỹ năng mềm	BB	II	2	30	15	15	Khoa các môn học chung
10	TT	Tâm thức	BB	II	2	30	30	15	
Chọn 02 trong 04 môn									
11	LH09	Logic học đại cương	TC	III	2	30	0	30	
12	LH10	Lịch sử văn minh thế giới		III	2	30	0	30	
13	LH11	Đại cương văn hóa Việt Nam		III	2	30	0	15	
14	LH12	Tâm lý học đại cương		III	2	30	0	15	
C		Ngoại ngữ			06				
15	LH13a	Anh văn 1	BB	I	3	45	30	30	Bộ môn Tiếng Anh
16	LH13b	Anh văn 3	BB	II	3	45	30	30	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
A		Kiến thức cơ sở ngành			16				
17	LH14	Lý luận về nhà nước và pháp luật	BB	I	2	30	0	30	ThS. Nguyễn Văn Tám
18	LH15	Luật hiến pháp	BB	II	2	30	0	30	TS. Ngọc Tuyết (cơ hữu)
19	LH16	Kinh tế học	BB	II	3	45	0	45	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Bắt buộc/tự chọn	Học kỳ	Tổng số tín chỉ	Chi tiết tín chỉ			Giảng viên
						LT	TH	Tự học	
		- Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô							Khoa Kinh tế (cơ hữu)
20	LH17	Luật học so sánh	BB	III	3	45	0	45	TS. Dương Quỳnh Hoa (cơ hữu)
21	LH18	Luật và nghề luật	BB	I	2	15	60	30	TS. Phạm Thị Hương Lan (cơ hữu)
22	LH19	Quy định chung về luật dân sự, tài sản	BB	III	2	30	0	30	TS. Trần Văn Duy (cơ hữu)
23	LH20	Nghiên cứu khoa học pháp lý và thuyết trình	BB	VI	2	15	30	30	TS. Đỗ Thị Ngọc Tuyết (cơ hữu)
B		Kiến thức ngành			40				
24	LH21	Hợp đồng & kỹ năng tư vấn HĐ	BB	IV	2	30	0	30	ThS. Nguyễn Văn Hành (cơ hữu)
25	LH22	Luật lao động & kỹ năng giải quyết tranh chấp LĐ	BB	IV	3	30	30	30	ThS. Đỗ Xuân Hồng (cơ hữu)
26	LH23	Luật đất đai & kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai	BB	IV	3	30	30	30	ThS. Phạm Thị Nguyệt (cơ hữu)
27	LH24	Luật thương mại	BB	IV	3	30	30	30	ThS. Đỗ Xuân (cơ hữu) ân Hồng
28	LH25	Luật hình sự (Phần chung)	BB	IV	3	30	30	30	TS. Vũ Văn Mộc (cơ hữu)
29	LH26	Luật hình sự (Phần tội phạm)	BB	IV	3	30	30	30	TS. Vũ Văn Mộc (cơ hữu)
30	LH27	Luật thuế	BB	V	3	30	30	30	ThS. Nguyễn Thị Huệ (cơ hữu)
31	LH28	Luật hành chính	BB	V	3	30	30	30	ThS. Đặng Văn Ngạn (cơ hữu)
32	LH29	Pháp luật về thừa kế & KN tư vấn	BB	V	3	30	30	30	PGS. Phan Hữu Thư (cơ hữu)
33	LH30	Công pháp quốc tế	BB	V	2	15	30	30	
34	LH31	Tư pháp quốc tế	BB	V	2	15	30	30	
35	LH32	Luật hôn nhân gia đình	BB	III	2	15	30	30	TS. Nguyễn Văn Long (cơ hữu)
36	LH33	Chủ thể kinh doanh	BB	V	3	30	30	30	TS. Đinh Thị Hồng Duyên (cơ hữu)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Bắt buộc/tự chọn	Học kỳ	Tổng số tín chỉ	Chi tiết tín chỉ			Giảng viên
						LT	TH	Tự học	
37	LH34	Luật sở hữu trí tuệ	BB	V	2	15	30	30	TS. Nguyễn Văn Bắc (cơ hữu)
Chọn 2 trong 04 môn									
38	LH35	Soạn thảo hợp đồng	TC	VI	2	15	30	15	TS. Nguyễn Quốc Hải (cơ hữu)
39	LH36	Pháp luật về công chứng, chứng thực và thừa phát lại		VI	2	30	0	15	TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai (cơ hữu)
40	LH37	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		VI	2	30	0	30	TS. Dương Quỳnh Hoa (cơ hữu)
41	LH38	Pháp luật về kinh doanh bất động sản		VI	2	30	30	30	PGS.TS. Ngô Trí Long (cơ hữu)
C		Kiến thức chuyên ngành			27				
42	LH39	Anh văn chuyên ngành	BB	VI	4	45	30	30	Ths. Nguyễn văn Thắng (cơ hữu)
43	LH40	Luật tố tụng dân sự	BB	VI	3	45	30	30	PGS. Nguyễn Văn Cừ (Thỉnh giảng)
44	LH41	Luật tố tụng hình sự	BB	VI	3	45	30	30	TS. Phạm Thị Hương Lan (cơ hữu)
45	LH42	Luật tố tụng hành chính	BB	VI	2	30	30	30	PGS. Phan Hữu Thư (cơ hữu)
46	LH43	Pháp luật thi hành án dân sự	BB	VII	2	30	30	30	ThS. Nguyễn Văn Hành (cơ hữu)
47	LH44	Kỹ năng soạn thảo văn bản	BB	VII	3	15	60	30	TS. Nguyễn Quốc Hải (cơ hữu)
48	LH45	Kỹ năng thực hành tư vấn	BB	VII	3	15	60	30	ThS. Đỗ Xuân Hồng (cơ hữu)
49	LH46	Kỹ năng hùng biện tranh tụng	BB	VII	3	15	60	30	PGS. Phan Hữu Thư (cơ hữu)
Chọn 02 trong 04 môn									
50	LH47	Pháp luật về trợ giúp pháp lý	TC	VII	2	15	30	30	ThS. Đỗ Xuân Hồng (cơ hữu)
51	LH48	Pháp luật về trọng tài thương mại		VII	2	15	30	30	TS. Dương Quỳnh Hoa (cơ hữu)
52	LH49	Pháp chế trong doanh nghiệp		VII	2	15	30	30	TS. Đinh Thị Hồng Duyên (cơ hữu)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Bắt buộc/tự chọn	Học kỳ	Tổng số tín chỉ	Chi tiết tín chỉ			Giảng viên
						LT	TH	Tự học	
53	LH50	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế		VII	2	15	30	30	ThS. Nguyễn Văn Hành (cơ hữu)
D	Kiến thức bổ trợ				04				
Chọn 02 trong 04 môn									
54	LH51	Pháp luật về cạnh tranh	TC	VIII	2	45	30	30	ThS. Nguyễn Thị Huệ (cơ hữu)
55	LH52	Pháp luật về chứng khoán		VIII	2	30	30	30	PGS.TS. Lê Hoàng Nga (cơ hữu)
56	LH53	Pháp luật về đầu tư		VIII	2	30	30	30	ThS. Đinh Đức Thịnh (cơ hữu)
57	LH54	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại		VIII	2	30	30	30	TS. Phạm Thị Lan Hương (cơ hữu)
E	Thực tập tốt nghiệp		BB	VIII	05		200		Giảng viên khoa Luật
	Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế				05		100		
TỔNG CỘNG					125	1530	1560	1575	

Chương trình cũng bao gồm:

* 3- 5 hội thảo về luật học trong nước và các nước trong khu vực do các chuyên gia cao cấp trình bày

* Sinh viên được tham dự các phiên tòa tại Hải Dương và các tỉnh lân cận với sự hỗ trợ của sở tư pháp, văn phòng luật sư

Trưởng khoa



PGS.TS. Phan Hữu Thư



**KT. Hiệu trưởng
Phó hiệu trưởng**

TS. Nguyễn Thị Hoa Lý



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT

Mã số: 7380101

(Theo Quyết định số **69/QĐ-ĐHTĐ** ngày **12** tháng **3** năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Thành Đông)

1. Chuẩn đầu ra

1.1. Kiến thức

1.1.1. Kiến thức chuyên môn

Đạt được kiến thức đại cương của trình độ đại học về lý luận Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học;

Có kiến thức về cơ sở ngành luật, kiến thức nền tảng về luật, nội dung các lĩnh vực pháp luật chung như Hiến pháp, luật hành chính, hình sự, dân sự, thương mại, hôn nhân và gia đình, lao động, đất đai,... và pháp luật về tố tụng.

1.1.2 Năng lực nghề nghiệp

Vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề pháp lý trong công việc và cuộc sống.

1.2. Kỹ năng

1.2.1. Kỹ năng cứng

Khả năng phản biện, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như khả năng ứng dụng các kiến thức pháp luật trong công việc và trong đời sống; kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng thực hành nghề nghiệp liên quan đến hoạt động pháp lý; nhận diện được các vấn đề nảy sinh và đưa ra các quyết định phù hợp trong quá trình làm việc.

1.2.2. Kỹ năng mềm

Sinh viên được trang bị các kỹ năng mềm trong suốt quá trình học tập: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, tranh tụng, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thương lượng – đàm phán, kỹ năng tư duy pháp lý;

Năng lực sử dụng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có chuẩn đầu ra đạt năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm



Yêu nước, trung thành với Tổ quốc, hiểu biết và thấm nhuần chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước;

Có thái độ tốt, ủng hộ và bảo vệ sự công bằng; cảm nhận và kiến tạo công lý; tôn trọng pháp luật trong đời sống và công việc hàng ngày; Có ý thức tự học để thích ứng với sự phát triển của xã hội;

Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;

Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và hợp tác;

Yêu nghề, thân thiện, cởi mở, thiện chí trong việc tiếp nhận ý kiến và giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công việc.

2. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Luật, sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

Cơ quan nhà nước; các cơ quan Đảng, Đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội;

Các cơ quan của Quốc hội; Hội đồng nhân dân các cấp; UBND các cấp;

Các bộ, cơ quan ngang bộ, sở, phòng, ban chuyên môn tại các tỉnh/ thành phố, quận/ huyện;

Tòa án nhân dân các cấp: Thư ký, Thẩm phán (sau khi hội đủ các điều kiện);

Viện kiểm sát nhân dân các cấp: Kiểm sát viên (sau khi hội đủ các điều kiện);

Cơ quan thi hành án các cấp: Chấp hành viên (sau khi hội đủ các điều kiện);

Công an nhân dân các cấp: Công an trong các lĩnh vực;

Các tổ chức tư vấn luật hoặc doanh nghiệp; Các trung tâm cung cấp các dịch vụ tư vấn luật (văn phòng Luật sư, công ty Luật, ...): Luật sư, Chuyên viên tư vấn pháp lý và tranh tụng;

Chuyên viên pháp lý, Luật sư công ty;

Các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục và đào tạo có liên quan: Người tốt nghiệp có thể làm nghiên cứu viên, giảng viên, giáo viên dạy luật tại: các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu; các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp; các Trung tâm đào tạo nghề.

